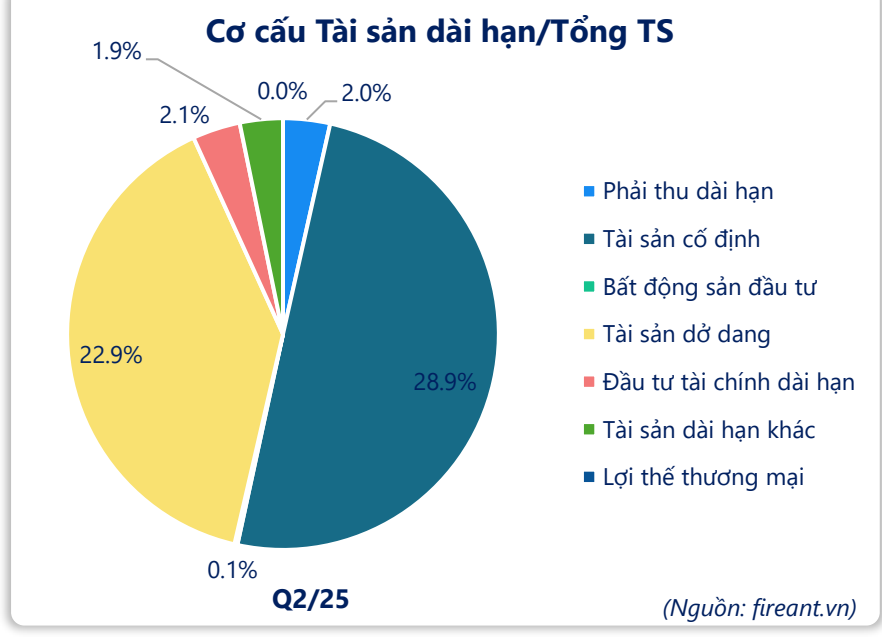
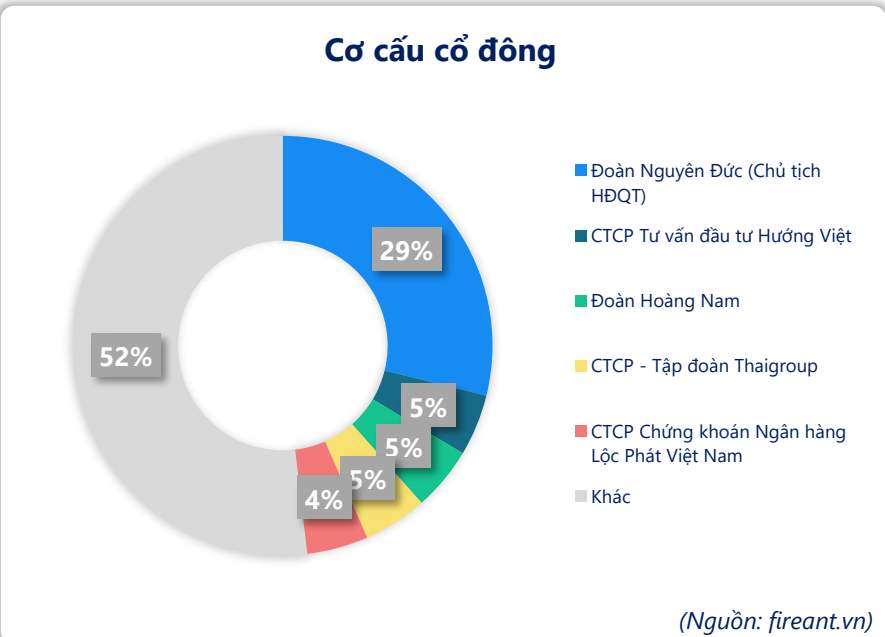
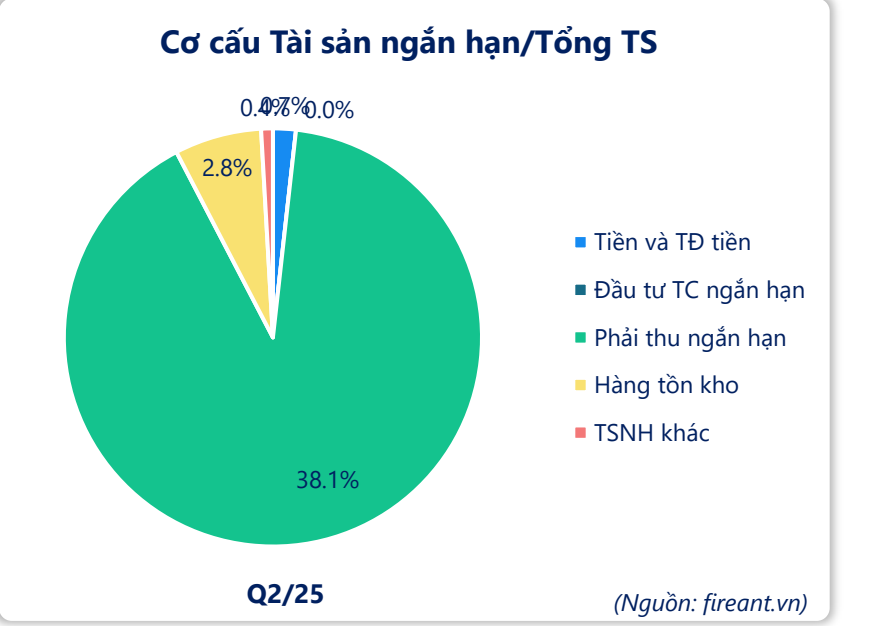
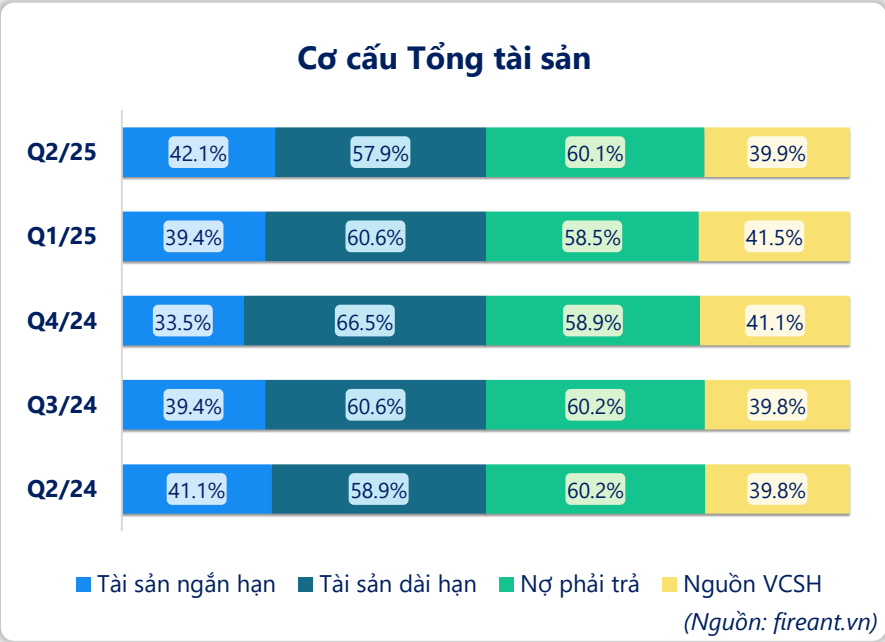
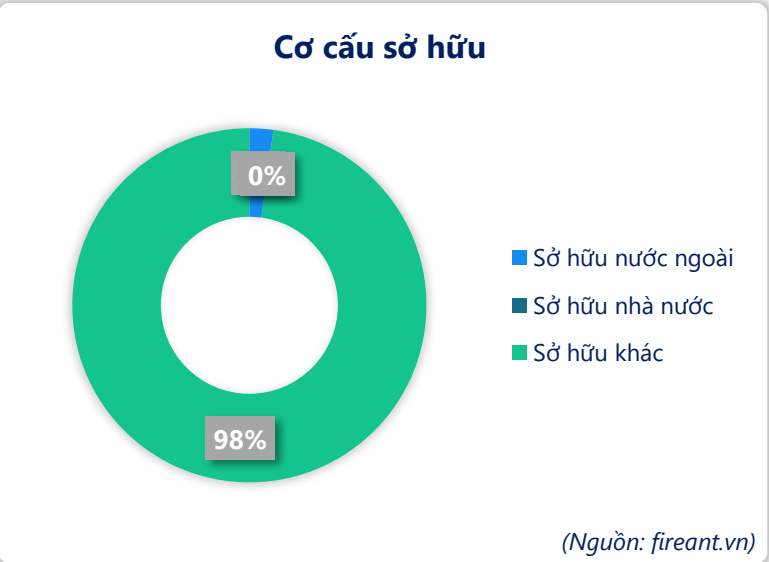
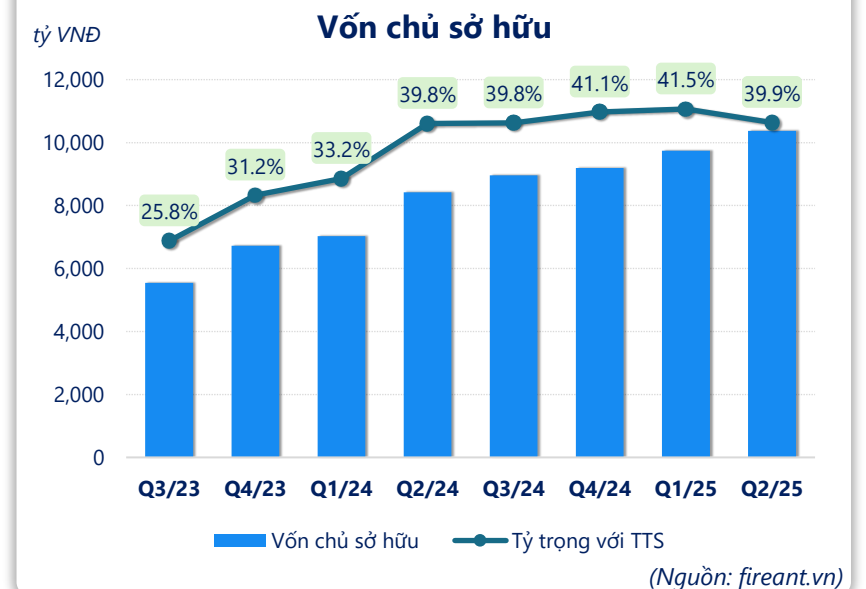
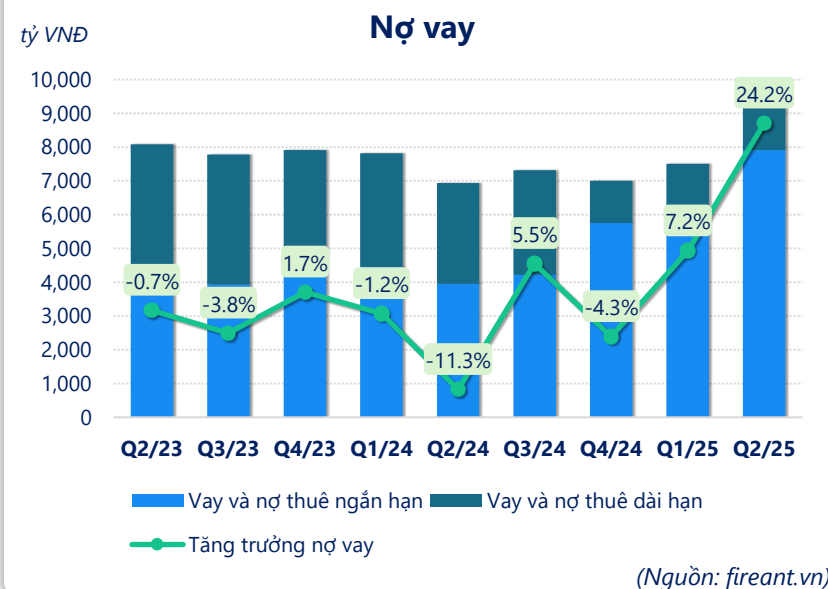
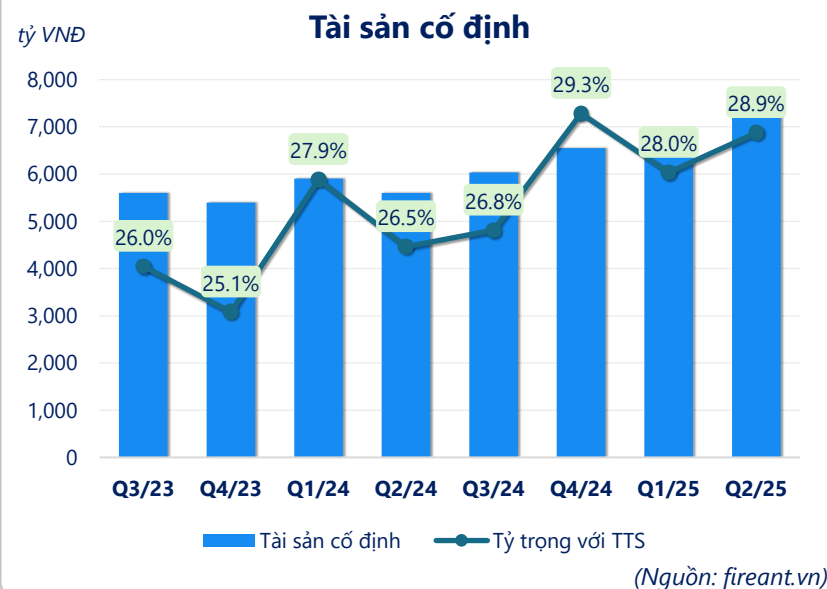
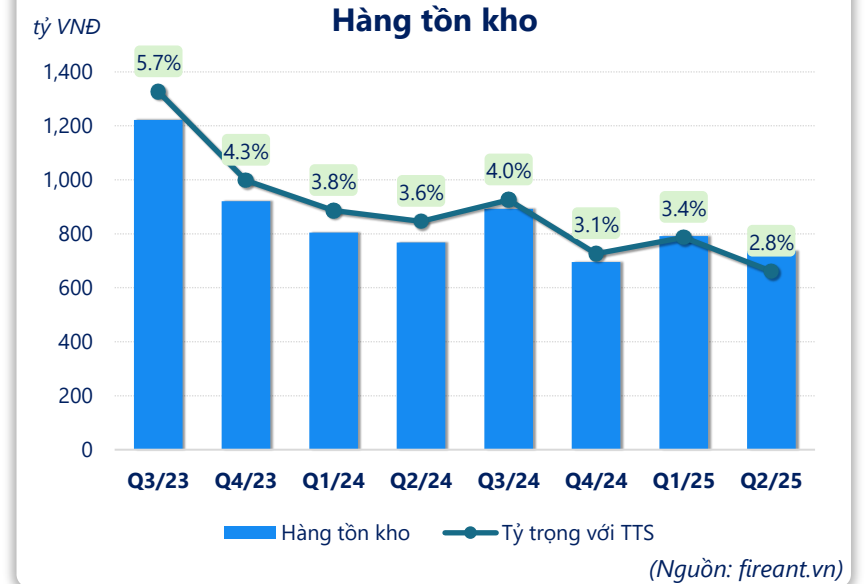
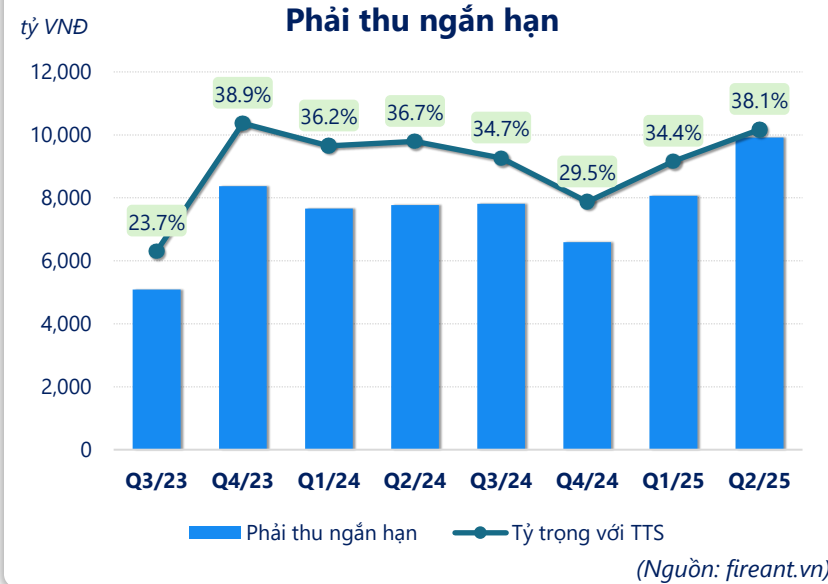
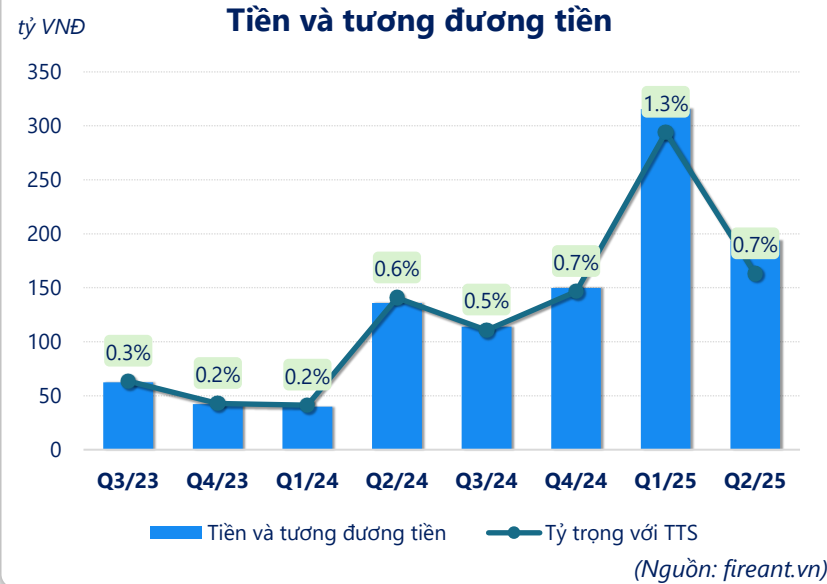
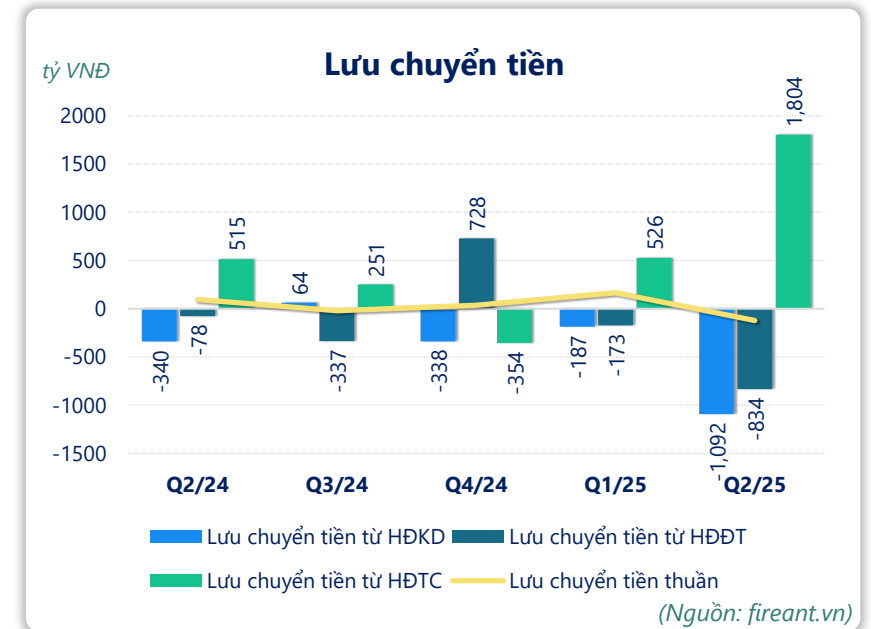
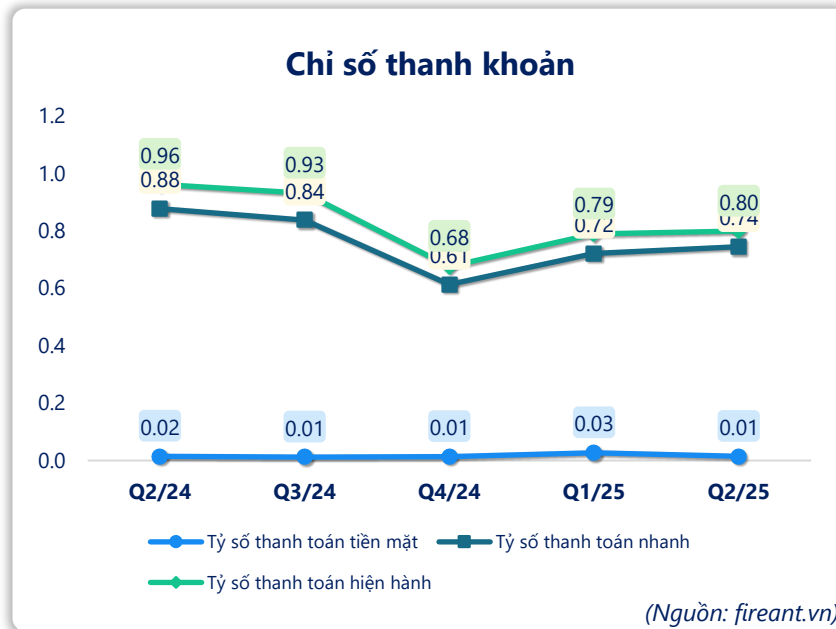
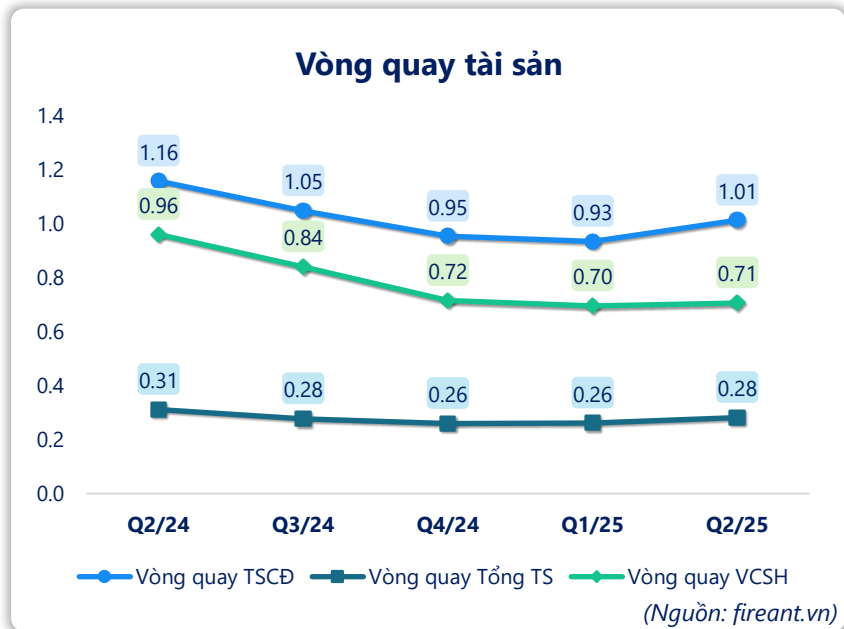
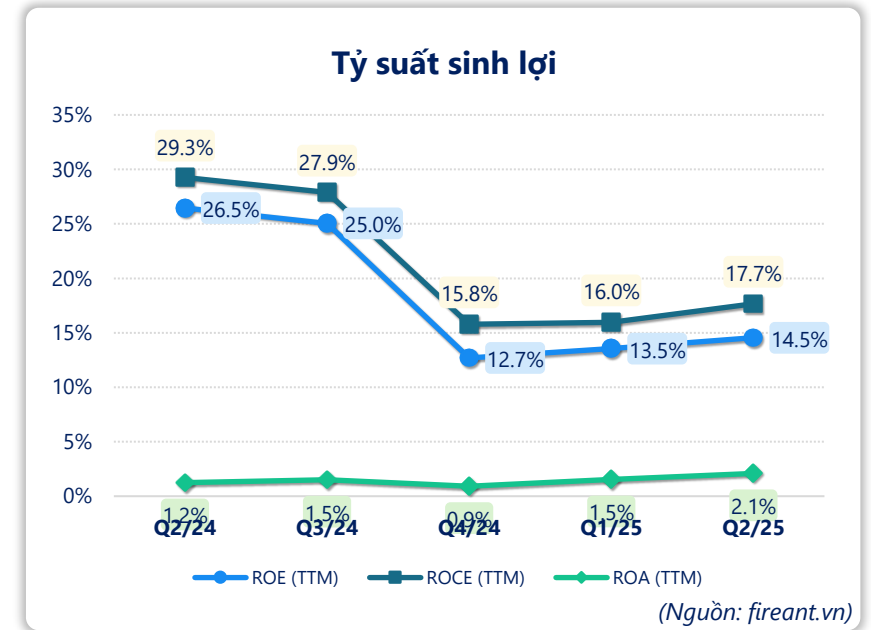
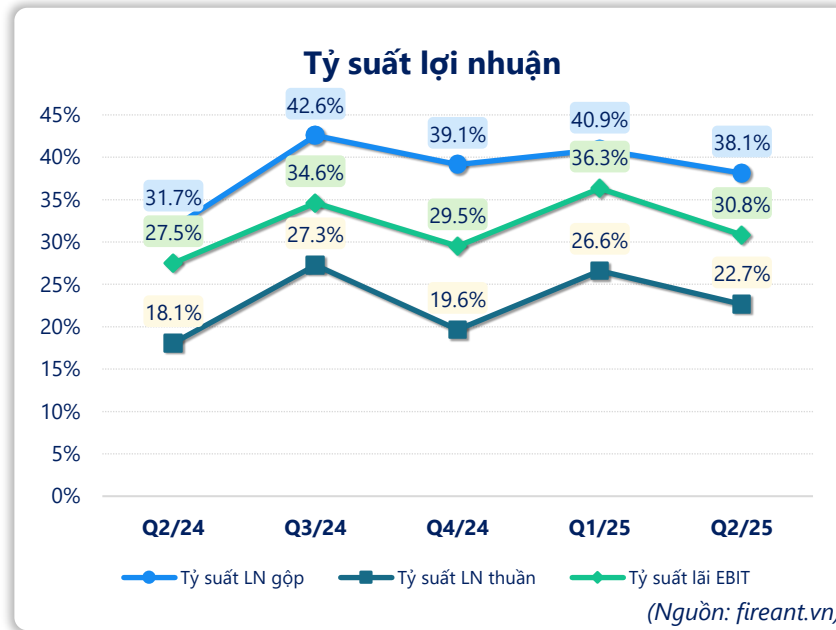
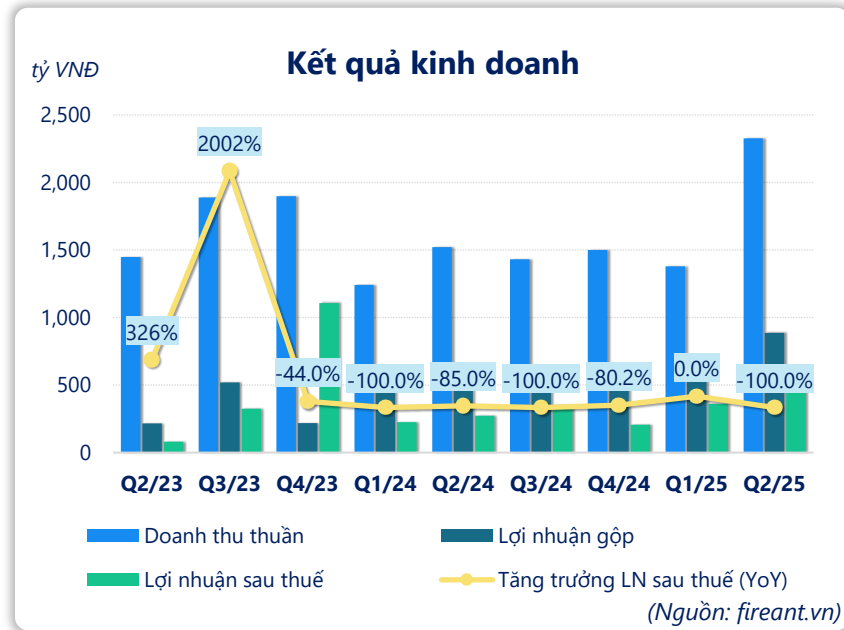


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,810
SL cổ phiếu LH		1,057,399,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,613,905
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,693
P/E		10.0
EPS		1,292

	YTD	1T	3T	6T
HAG	5.3%	-0.8%	6.1%	3.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	26,004	22,281	16.7%
Tài sản ngắn hạn	10,948	8,435	29.8%
Tiền và tương đương tiền	194	150	29.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9,919	7,537	31.6%
Hàng tồn kho	737	694	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	99.2	54.2	82.8%
Tài sản dài hạn	15,056	13,845	8.7%
Phải thu dài hạn	530	1,293	-59.0%
Tài sản cố định	7,509	6,567	14.3%
Bất động sản đầu tư	33.4	34.3	-2.8%
Tài sản dở dang	5,959	5,022	18.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	539	557	-3.3%
Tài sản dài hạn khác	485	371	30.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	15,630	12,955	20.6%
Nợ ngắn hạn	13,716	11,123	23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,912	5,748	37.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,028	987	4.2%
Nợ dài hạn	1,914	1,832	4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,408	1,217	15.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,375	9,326	11.2%
Vốn chủ sở hữu	10,375	9,326	11.2%
Vốn điều lệ	10,575	10,575	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,521	1,432	1,500	1,380	2,327
Giá vốn hàng bán	1,039	822	913	815	1,441
Lợi nhuận gộp	482	609	587	564	887
Doanh thu HĐTC	89.9	50.4	67.5	58.1	77.6
Chi phí TC	163	165	195	109	286
Chi phí lãi vay	159	144	260	143	217
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	87.1	69.6	125	110	108
Chi phí QLDN	47.6	34.5	40.0	36.5	42.9
LN thuần từ HĐKD	275	390	295	367	527
Lợi nhuận khác	-15.7	-39.4	-112	-8.76	-26.7
LN trước thuế	259	351	183	359	500
Lợi nhuận sau thuế	274	351	205	360	519
LNST của CĐ cty mẹ	263	332	201	341	493

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-340	63.6	-338	-187	-1,092
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-78.2	-337	728	-173	-834
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	515	251	-354	526	1,804
Tiền đầu kỳ	39.9	136	114	150	316
Lưu chuyển tiền thuần	96.1	-22.1	35.7	166	-122
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	136	114	150	316	194

(Nguồn: fireant.vn)